TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-PT
Ngày: 05/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quyết và ông Trần Hữu Hiệu.

- Thư ký Tòa án: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Đình V. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 71/2019/HS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Đình V, sinh năm 1990 tại T phố U, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 7, khu 2, phường Q, T phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Th và bà Mạc Thị B; vợ Nguyễn Thị H, có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân : Bản án hình sự số 93/2006 ngày 12/12/2006 Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Nguyễn Đình V 05 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản, án phí hình sự phải chịu 50.000 đồng, ngày 12/11/2007 đã thi hành xong án phí hình sự. Ngày 01/9/2009 chấp hành xong hình phạt tù. Bản án số 36/2011/ HSST ngày 07/7/2011 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Đình V 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, án phí hình sự phải nộp 200.000đồng, ngày 14/9/2011 đã thi hành xong án phí hình sự. Tại bản án số 47/2011/HSST ngày 14/7/2011 Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Đình V 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, án phí hình sự phải nộp 200.000đồng, ngày 27/10/2011 đã thi hành xong án phí hình sự. Bản án số 29/2011/HSST ngày 29/7/2011 Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Đình V 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, án phí hình sự phải

nộp 200.000đồng, truy thu 100.000 đồng. Ngày 12/01/ 2012 đã thi hành xong án phí hình sự và tiền truy thu. Ngày 23/9/2015 V chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích. Bị cáo tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Vụ án còn có 05 bị cáo khác và người bị hại không kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chị Đỗ Thị Th; trú tại: thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Hải Dương có mở quán bán hàng tạp hóa trên diện tích đất chị Th thuê của ông Đỗ Văn E tại thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Hải Dương. Thời gian ngày 18/8/2018 chị Th có vay của V Văn T (R) số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)*. Khi vay tiền giữa chị Th và T có lập Hợp đồng vay tiền với nội dung: Số tiền vay 100.000.000đồng lãi suất 4,5% trên 01 tháng, thời gian vay 03 tháng (từ ngày 18/8/2018 đến ngày 18/11/2018), kèm theo hợp đồng vay tiền là giấy cam kết do chị Th tự viết với nội dung: Nếu chị Th không trả được khi hết hạn thì anh T có quyền sở hữu các loại tài sản: Mái tôn, tủ bán hàng 03 cái, hết thời hạn hợp đồng sử dụng thuê đất của ông Miền. Hợp đồng vay tiền và giấy cam kết có chữ ký của chị Th và T. Ngày 31/10/2018 do có công việc riêng phải giải quyết nên chị Th không bán hàng, khóa cửa quán đi vắng. Biết chị Th khóa cửa quán không bán hàng và đi khỏi nhà, T cho rằng chị Th không trả tiền vay nên đã tự ý đem 02 chiếc khóa ra khóa cửa quán của chị Th lại, mục đích để quản lý số tài sản trong quán của chị Th. Ngày 19/11/2018, T có đơn gửi UBND xã N, nội dung đề nghị UBND xã ra chứng kiến việc lập biên bản các tài sản có trong quán của chị Th để bàn giao cho T sử dụng, Ủy ban nhân dân xã N đang xem xét và chưa giải quyết đơn đề nghị của T. Tối ngày 20/11/2018 T gọi điện thoại cho chị Th, cả hai thống nhất nội dung: Chủ nhật tức ngày 25/11/2018 chị Th sẽ về để giải quyết công nợ với T. Mặc dù chị Th đã hẹn giải quyết nợ với T vào ngày 25/11/2018 nhưng sáng ngày 22/11/2018 T tiếp tục nhắn tin chửi bới chị Th và yêu cầu chị Th phải về ngay thanh toán nợ nhưng chị Th không trả lời. Ngay sau đó, T tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu chị Th về giải quyết nợ, nếu không sẽ lấy tài sản trong quán. Chị Th nói lại với T về việc hiện tại chị không thể về được vì đã thống nhất hẹn với T đến ngày 25/11/2018, chị sẽ về thanh toán nợ, chị Th không đồng ý cho T vào lấy tài sản trong quán của chị.

Khoảng 11 giờ ngày 22/11/2018, T đi đến quán cầm đồ của Nguyễn Văn S. Tại đây, T có gặp và trao đổi với S về việc Th nợ tiền của T, có thế chấp tài sản trong quán, có giấy tờ vay mượn, hiện tại chị Th không có nhà, T nhờ S cùng một số người ra bê hộ tài sản trong quán của chị Th về nhà T. Tiếp đó T cùng S, Nguyễn Chí Ngh, Nguyễn Đình V, *(Ngh và V là người làm thuê cho S*

tại quán cầm đồ) đi đến nhà bố mẹ đẻ chị Th là ông Đỗ Thanh Y, bà Nguyễn Thị H ở cùng thôn C, xã N, huyện L. Khi gặp ông Y, bà H, T thông báo chiều nay (tức ngày 22/11/2018) T sẽ cho người ra lấy tài sản ở quán chị Th, yêu cầu gia đình ra chứng kiến và đem tài sản cá nhân của chị Th về. Bà H không đồng ý và bảo với T, việc chị Th vay mượn thế chấp tài sản gì thì gia đình bà không biết, không liên quan. Sau đó T, S, V và Ngh đi về quán cầm đồ của S. Tại đây, T thống nhất 13 giờ ngày 22/11/2018 sẽ đi ra quán của chị Th để cắt, phá khóa cửa quán lấy tài sản trong quán, tất cả cùng đồng ý. Sau đó S đi đến nhà anh Phạm Văn Z, sinh năm 1975, ở thôn C, xã N, huyện L thuê chiếc xe ô tô tải BKS: 34C-068.68 để chở tài sản lấy từ quán chị Th. Tiếp đó, S gọi điện cho Đỗ Đức O *(O là người làm thuê cho S tại quán cầm đồ)* thông báo 13 giờ ngày 22/11/2018 đến quán cầm đồ để đi có việc. Bản thân O sau khi đến quán cũng hiểu là đi đòi nợ.

Khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, chị Th nhận được điện thoại của bà H thông báo việc T vừa đến nhà thông báo chiều nay sẽ ra quán của chị Th lấy tài sản. Biết được sự việc như vậy, tuy nhiên khi đó chị Th đang tham gia lớp học tiếng Trung Quốc ở thành phố Hà Nội nên không thể về ngay để ngăn cản hành vi của T. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T đi xe máy BKS 34B3-214.17 (xe của T) đến quán cầm đồ của S. Khi đi T đem theo 01 máy cắt sắt cầm tay, 02 dây ổ cắm điện để cắt khóa cửa quán chị Th. Tại đây, T và S cùng bảo Nghĩa, V và Tuấn đến quán của chị Th để cắt phá khóa cửa, lấy tài sản trong quán chuyển về nhà T. Tất cả cùng đồng ý. Khi đó tại quán cầm đồ có Nguyễn Văn C là người quen đang ngồi chơi, T bảo C cùng đi lấy tài sản. C đồng ý. Tiếp đó, S điều khiển xe ô tô BKS: 34C-068.68 chở theo V, Z và C, T điều khiển xe máy BKS 34B3-214.17 của T, Ngh và O tự đi xe máy của quán cầm đồ, tất cả cùng đến quán bán hàng của chị Th. Khi đến thấy quán đóng cửa, bên ngoài được khóa bằng ba chiếc khóa, chị Th, người nhà chị Th, đại diện UBND xã không ai có mặt. Các đối tượng đều nhận thức được tài sản trong quán là tài sản đang thuộc sở hữu của chị Th, việc cắt phá khóa cửa vào lấy tài sản là vi phạm pháp luật, tuy nhiên các đối tượng vẫn thực hiện, mục đích giúp T chiếm đoạt tài sản của chị Th. Sau khi cắm nhờ được đường điện, T dùng máy cắt đem theo cắt một ổ khóa cửa quán của chị Th ra. Sau đó, C tiếp tục dùng máy cắt cắt đứt tiếp hai ổ khóa còn lại. T mở cửa quán ra để cho S, C, O, V, Ngh cùng T vào trong quán bê toàn bộ đồ đạc có trong quán của chị Th ra xe ô tô do S điều khiển và vận chuyển về nhà T (riêng quần áo của chị Th có trong quán thì để lại). Quá trình T, S, C, O, V và Ngh khênh, chuyển tài sản thì có rất đông người dân xung quanh đứng xem và chứng kiến sự việc. Anh Phạm Văn G, sinh năm 1989 người cùng thôn đã gọi điện thoại thông báo cho chị Th biết, khi đó chị Th đang phải tham gia lớp học tiếng Trung Quốc tại tầng 5, lô Hh3, ngõ 89 đường Lê Đức Thọ, phường

Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội nên không thể về để giữ lại tài sản của mình.

Số tài sản T cùng các đồng phạm chiếm đoạt tại quán bán hàng của chị Th gồm: 01 chiếc Micro nhãn hiệu Shure; 01 đầu đĩa; 01âm ly; 02 chiếc loa thùng; 01 ti vi nhãn hiệu LG 49 inch; 01 tủ đông lạnh nhãn hiệu Sanaky; 01 tủ bảo quản bia; 01 tủ đông lạnh kháng khuẩn nhãn hiệu Kangaroo; 01 tủ mát nhãn hiệu Sanaky; 01 kẹp nướng điện nhãn hiệu Tiross; 01 nồi cơm điện nhãn hiệu Eaststar; 01 nồi cơm điện nhãn hiệu Sunhouse; 01 đèn chiếu sáng hình hộp chữ nhật; 01 tủ kính khung nhôm kích thước 120x44x121 cm; 01 tủ nhôm kính kích thước 70x41x64; 01 tủ để đồ 04 cánh kích thước 1200x58x2400 cm; 01 máy ép nước mía kích thước 92x54x105 cm; 01 máy ép nước mía kích thước 101x4x110 cm; 01 bàn cắt tự chế; 01 bàn máy tự chế; 01 tủ đựng đồ kích thước 150x70x90; 02 giá để đồ; 01 chiếc giường được làm bằng các thanh thép; 01 giường gỗ loại gỗ keo; 01 giường gấp loại khung sắt; 01 đệm mút chải giường; 01 thảm chải giường; 01 thùng đựng gạo bằng nhựa; 01 mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu; 09 chiếc bàn nhựa màu xanh; 21 chiếc ghế nhựa màu xanh; 01 chiếc cân đồng hồ lò xo nhãn hiệu Nhơn Hòa; 01 lồng bàn bằng nhựa màu đỏ; 01 giá để đồ bằng nhựa; 01 chậu nhựa màu đỏ; 01 hộp đũa bằng gỗ gồm 10 đôi; 01 chiếc kẹp kim loại hình chữ V; 02 cái đĩa bằng kim loại; 07 cái rĩa bằng kim loại; 04 chiếc khay nhựa; 03 cái đĩa nhựa cứng màu trắng; 08 cái đĩa nhựa màu trắng lòng đĩa có in họa tiết; 01 đĩa sứ hình elip; 04 đĩa nhựa hình elip; 02 đĩa nhựa hình vuông; 06 đĩa sứ màu trắng đường kính 10cm; 04 đĩa sứ màu trắng đường kính 11cm; 05 ca nhựa màu trắng; 02 chiếc thìa sắt; 12 chiếc móc treo quần áo bằng nhôm; 01 bình hoa sứ màu vàng; 02 hộp nhựa hình trụ; 02 chiếc thìa nhựa; 01 chiếc khay nhựa màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính 16cm; 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính 18cm; 16 chiếc cốc nhựa màu xanh; 01 chiếc mâm nhôm; 06 chiếc cốc thủy tinh; 01 bình ga màu xanh ghi nhãn hiệu Venus Petrol; 01 chiếc bếp ga công nghiệp kích thước 60x32x13cm; 11,5 kg gạo tẻ thường. Kết luận định giá tài sản số: 146/KLĐG ngày 27/11/2018 kết luận tổng giá trị tài sản của những tài sản trên là: 33.489.100đ.

Số tài sản bị cáo T và các đồng phạm chiếm đoạt tại quán bán hàng của chị Th sau đó đã cho những người dân đứng xem tại đó gồm: 01 thùng nước ngọt nhãn hiệu Sting hương dâu tây đỏ, 24 chai nhựa, thể tích mỗi chai là 330 ml, sản phẩm do Công ty Pepsico Việt Nam sản xuất tháng 10/2018, hạn sử dụng trong 06 tháng kể từ ngày sản xuất; 01 thùng nước khoáng Lavie, 24 chai nhựa, thể tích mỗi chai là 500 ml, sản phẩm do Công ty Lavie sản xuất tháng 10/2018, hạn sử dụng trong 02 năm kể từ ngày sản xuất; 05 chai nước ngọt nhãn hiệu Fanta cam, loại chai nhựa 1,5 lít, sản phẩm do Công ty TNHH nước giải khát Cocacola Việt Nam sản xuất tháng 10/2018, hạn sử dụng trong 06 tháng kể từ ngày sản

xuất; 40 gói Oishi Snack bắp ngọt, loại 42 g, sản phẩm do Công ty cổ phần Liwayway Việt Nam sản xuất tháng 10/2018, hạn sử dụng trong 06 tháng kể từ ngày sản xuất; 02 gói bánh gạo nhãn hiệu One One, loại 230 g, sản phẩm do Công ty cổ phần New Rice sản xuất tháng 10/2018, hạn sử dụng trong 06 tháng kể từ ngày sản xuất; 01 hộp kẹo mút nhãn hiệu Chupa Chups, loại hộp 40 chiếc kẹo, sản phẩm do Công ty TNHH Perfetti Van Melie Việt Nam sản xuất tháng 10/2018, hạn sử dụng trong 06 tháng kể từ ngày sản xuất. Kết luận định giá tài sản số 13/KLĐG-HĐ ngày 26/6/2019 kết luận tổng những tài sản trên trị giá là: 598.000đ. Tổng tài sản các bị cáo T cùng S, C, O, V, Ngh chiếm đoạt của chị Th trị giá là: 34.087.100đ *(Ba mươi tư triệu,không trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm đồng).* Sau khi chuyển hết số tài sản trong quán của chị Th về để tại sân nhà mình, T đã bán số tài sản trên cho một số người dân đều ở cùng thôn Cao Duệ, xã Nhật S, huyện L, cụ thể: Bán cho bà Nguyễn Thị G 01 tủ đông lạnh với giá 3.500.000đồng; chị Nguyễn Thị L01 giường gỗ, 01 bàn nhựa, 04 ghế nhựa giá 1.100.000 đồng; ông V Văn S 01Tivi giá 5.000.000 đồng và 01 bàn nhựa, 04 ghế nhựa giá 200.000đồng; ông Ngô Văn Phư 01 tủ lạnh nhãn hiệu Sanaky giá 4.000.000đồng và 01cân đồng hồ giá là 100.000đồng; chị Phạm Thị A 01bộ bàn ghế nhựa giá 100.000 đồng; chị Đoàn Thị Hi 01 giá để đồ giá 400.000đồng; anh Trần Văn N 01 tủ kính khung nhôm giá 1.900.000đồng. Một số tài sản T và S còn giữ lại.

Tối cùng ngày, sau khi học xong, chị Th từ Hà Nội về ngay nhà và đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện L trình báo toàn bộ sự việc và Công an huyện L đã kịp thời quản lý toàn bộ các tài sản mà T đã bán cho những người dân thôn Cao Duệ, xã Nhật S. Quản lý một số tài sản T và S giữ lại. Quản lý của T 01 chiếc xe máy BKS 34B3-214.17, 01 máy cắt sắt, 02 cuộn dây điện. Vụ án được điều tra làm rõ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân (TAND) huyện L, tỉnh Hải Dương đã tuyên bố các bị cáo V Văn T (Út) và Nguyễn Đình V phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm b,i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; phạt T (U) 15 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày tù. Áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; phạt V 10 tháng tù. Bản án còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 và 05/11/2019 các bị cáo V Văn T (U), Nguyễn Đình V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Trước ngày mở phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V Văn T (U) đã có đơn xin rút kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 12/2020/HSPT-QĐ ngày 03/02/2020 đối với bị cáo T.

Tại phiên tòa, V khai: V có biết giấy vay nợ giữa T và chị Th nhưng V chỉ là người làm thuê cho S tại quán cầm đồ nên khi được S bảo thì bị cáo mới làm và không được hưởng lợi gì. Bị cáo nhận thức được hành vi cùng một số người đến lấy tài sản của chị Th là vi phạm pháp luật nhưng mức hình phạt 10 tháng tù là nặng nên vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến xác định giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của chị Th là 34.087.100đ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự và mức hình phạt 10 tháng tù áp dụng với bị cáo V là có căn cứ, phù hợp với tính chất, hành vi của bị cáo. Bị cáo V kháng cáo xin được hưởng án treo, tuy nhiên xét thấy bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về tội chiếm đoạt. Do vậy hình phạt tù áp dụng với bị cáo là cần thiết, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo V.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Giai đoạn sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) trong việc điều tra, truy tố và xét xử đối với các bị cáo.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng đã được thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có căn cứ xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/11/2018, tại quán bán hàng của chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1977 ở thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Hải Dương, biết rõ tài sản trong quán thuộc sở hữu của chị Th và biết chị Th ở xa không thể về để quản lý tài sản của mình nên V Văn T (U), Nguyễn Văn S, Nguyễn Đình V, Nguyễn Chí Ngh, Đỗ Đức O, Nguyễn Văn Cđã thực hiện hành vi dùng máy cắt, cắt khóa cửa chiếm đoạt các tài sản trong quán của chị Th vận chuyển về nhà T. Sau khi chiếm đoạt được tài sản T bán một số tài sản cho một số người dân ở thôn Cao Duệ, xã Nhật S, huyện L.Tổng tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị Th trị giá là 34.087.100đ. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội công nhiên chiếm đoạt tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng pháp luật tuyên hình phạt đối với các bị cáo theo khoản 1 Điều 172 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo giữ vai trò cuối trong vụ án nhưng khi tiếp nhận ý chí của T, V đã cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi tích cực. Sau khi phạm tội có thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên về nhân thân bị cáo đã 04 lần bị kết án về tội chiếm đoạt đã được xóa án không phải chịu tình tiết tăng nặng, thể hiện bị cáo là người thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Mặt khác, tài sản các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại trị giá trên 34 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá tính chất hành vi phạm tội và xem xét nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ để quyết định mức hình phạt 10 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp và không nặng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo V.

[4] Bị cáo V không thuộc trường hợp được hoãn thi hành án theo quy định tại Điều 67 Bộ luật hình sự nên cần bắt tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự để đảm bảo công tác thi hành án hình sự.

[5] Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và giao bị cáo cho UBND địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Nhưng không tuyên hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND. Do vậy, HĐXX sửa bản án sơ thẩm bổ sung thêm nội dung này cho đầy đủ.

[6] Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình V. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hải Dương về hình phạt đối với bị cáo V. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hải Dương, tuyên bổ sung hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S. Cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự: Phạt Nguyễn Đình V 10 (mười) tháng tù, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội "*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; phạt Nguyễn Văn S 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/10/2019) về tội "*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*".

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Nhật S, huyện L, tỉnh Hải Dương để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Nguyễn Đình V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Hải Dương;
-Phòng HSNV-Công an tỉnh Hải Dương;
-Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
-TAND huyện L;
-Công an huyện L;
-Chi cục THADS huyện L;
-Bị cáo;
-Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường